

CU NGUYÊN và TÔN NG KINH

Tâm Diệu

Đạo Phật trên ý nghĩa thiệt y là “biện chứng giải thoát” hay là con đường giải thoát. Giải thoát khỏi khổ đau, sinh tử luân hồi. Tuy cùng đi trên một con đường, nhưng vì con người có nhiều tâm tính, trình độ, khả năng và căn cơ khác nhau, nên vì tùy hoàn cảnh, tùy phong tục, tập quán, luật lệ thay đổi theo từng đời pháp và tùy thời điểm, cho nên Đức Phật đã đưa ra vô số pháp môn khác nhau, tùy theo đức tiêu biểu của từng con số 84 nghìn pháp môn, để hướng dẫn mọi người đến với con đường giác ngộ, giải thoát. CU NGUYÊN và TÔN NG KINH, tuy không phải là con đường, nhưng cũng là một trong 84 nghìn pháp môn.

CU NGUYÊN



Thời Đức Phật tại thế, có chàng trai trẻ đến xin Phật làm thầy cho người cha vì quá vất vả. Bị tiếng chàng trai trẻ tràn ngập nỗi đau khổ chắc chắn có thể hiểu được những lý do trong lúc này, nên Đức Phật đã phải dùng phương tiện biến hình như các thợ vái những đức tính để tiếp, một hòn đá và một lon dầu, các hai đức ném xuống hố, đá nặng chìm xuống và dầu nhẹ nổi lên. Đức Phật trở lại, nhìn một hòn đá nặng đức chắc chắn chìm xuống đáy hố, cho dù vái số

Câu chuyện của sấm đồng, hòn đá vụn không thể nổi lên mặt nước. Qua đó, Đức Phật kể chuyện đản sinh của con người và tội nghiệp của họ thì chúng ta phải báo thù và tội nghiệp của họ thì đức Phật kể chuyện báo thù, câu chuyện không thể làm thay đổi được nghiệp của họ, nhất là khi nghiệp đã chín muồi. Rõ ràng, câu chuyện đản sinh của người, xóa sạch ác nghiệp đã tạo, phước thác hoàn toàn vào tay của các Bà la môn hàng tin tưởng là một việc làm vô ích [33].

Tuy nhiên, trong một vài truyện khác, cũng trong kinh Pali, Đức Phật cho thấy sự câu chuyện có những hình ảnh khác và môi trường sống chung quanh. Điển hình là truyện của Tỳ kheo Angulimāla, ông vốn là một tay cướp giết người nổi tiếng, nhưng Angulimāla được Phật hoá đổi, trở thành Tỳ kheo. Một hôm, Angulimāla đi khất thực, gặp một người đàn bà sắp lâm bồn đang rên siết đau đớn bên đường. Không biết làm thế nào, Angulimāla trở về hỏi Đức Phật. Đức Phật khuyên Angulimāla đem đi sau đây nói với người đàn bà: "Này cô, từ ngày được sanh vào Thánh thế (nghĩa là từ ngày tôi xuất gia), tôi chưa hề có ý tiêu diệt đời sống của một sinh vật nào. Do lòng chân thật này, tôi mong cô được vuông tròn và con của cô được bình an vô sự." [34] Angulimāla hiểu được lòng bài kinh, rời đi đến nơi, người cách người phải một mặt bọc màn che, được đi. Người mẹ đau đớn liền sanh được đứa con lành.

Đến nay bài kinh Angulimāla Paritta [35] này vẫn còn được lưu hành ở một số quốc gia Phật giáo Nam Truyền. Điển hình này cho thấy năng lực của người (**qua tâm và giới giới**) của hành giới có thể có tác dụng đến người giới, đến môi trường chung quanh và những hình ảnh và đời sống chuyển biến ngôn ngữ (lời kinh).

Sức mạnh của tâm và năng lực trị giới của Tôn giáo Angulimāla đã chuyển hoá tại họ của sự phiền, khiến cho mẹ con được an lành.

Cũng vào thời Phật, có một số tỳ kheo sống trong rừng sâu bực rợn đức Phật nên bị những người có khi gây nên hình ảnh đản sinh mình, nên Phật đã dạy các tỳ kheo hãy rời tâm đến các loài rợn đức thì sẽ tránh khỏi. Phật dạy bài kệ. Nội dung bài kệ không phải là những câu chuyện chú bí hiểm, mà chỉ là những lời khuyên, mong cho tâm của hành giới lan tỏa đến chúa tể các loài rợn đức, các sinh vật không chân, hai chân và bốn chân; người nguyện chúng sinh các loài được an lành, không làm hại đến tỳ kheo. Văn người nguyện này được gọi là "hồ chú" (parittam)[36].

Trong thời của đức Phật, một vị bác sĩ người Pháp qua Việt Nam làm các việc thiện nguyện năm đầu thập niên thế kỷ 20 cũng xác nhận rằng người "tâm" mà ông đã thoát được nỗi rợn đức. Đó là truyện của bác sĩ Yersin: "Năm 1894 bác sĩ Yersin đi cao nguyên Lang Bian đến Darlac rồi tới Darlac đến Attopeu, một bệnh nhân bác sĩ đang đi trong rừng, một chăm chú nhìn lên các ngọn cây cao, thì bỗng nghe sau lưng có tiếng động. Quay lại thì thấy một con rắn hổ mang to lớn đứng trên đầu, phùng mang lên miệng đức Phật. Bác sĩ Yersin đứng yên, thái độ hoàn toàn bình thản. Rắn lúc nhìn đức Phật đứng trước mặt, nhìn người đi trước. Hồi lâu hổ mang nhìn xuống phóng vào bụi rậm rồi đi mất. Nghe được câu chuyện, có người đến

Hỏi bác sĩ có phải nhủ thuở t thời miên mà thoát nạn chẳng? Bác sĩ cười đáp: “Rắn đực cũng nhủ thú dữ, cừn ngườ i chđ t v. Chúng đ u có linh tính. M t khi nh n bi t r ng mình không có ác tâm, ác ý đ i v i chúng thì không bao gi chúng làm h i mình”[37].

Trên đây là m t s tr ng h p c u an c u h có tính cách cá nhân cho mình ho c cho ng i, n ng nh vào **năng lực tâm và trí gi i**. Trong tr ng h p s đ ng chúng sinh nh các vùng b thiên tai, bão l t làm m t tích và ch t nhi u ng i, đ n đ n các b nh đ ch tàn phá khác. Ph t giáo, ngoài nh ng n l c c u giúp b ng các ph ng ti n v t ch t còn có bi n pháp c u h khác b ng năng l c c u nguy n c a s đ ng v i tâm t bi, v i chánh tín và chánh ki n qua vi c đ c t ng kinh Châu Báu [38] nh t i các qu c gia theo truy n th ng Ph t giáo Nam truy n th ng áp đ ng.

Nh th có th nói r ng ngoài t l c, trong Ph t giáo còn có tha l c và c u nguy n, v n là m t trong 84 ngàn pháp môn tu t p trong đ o Ph t. S c u nguy n có th đ c gi i thích nh là m t ý l c m nh m mu n chuy n hóa nghi p l c đ i v i t thân đ ng th i h tr cho tha nhân chuy n hóa nghi p l c c a chính h , mà ch y u là **s c m nh c a tâm t bi và gi gi i lu t**.

TỖ NG KINH

Tỳ ng kinh là cách hành trì r t ph bi n c a c hai tr ng phái Ph t giáo Nam Truy n và B c Truy n.

Kinh có nghĩa là nh ng l i Ph t đ y, bao g m nh ng bài thuy t pháp c a Đ c Ph t t bu i thuy t pháp đ u tiên t i Ba La N i cho đ n lúc Ph t nh p Ni t Bàn.

Tỳ ng kinh là đ ôn l i nh ng l i Ph t đ y và đ t nh c nh mình ng đ ng l i c a Ph t đ y vào cu c s ng h ng ngày là **không làm các vi c ác, làm các vi c lành và t thanh l c tâm ý**. Khi tỳ ng kinh, do chú tâm vào l i kinh nên c ba nghi p là thân, kh u và ý không có c h i t o tác. Do đó xa lìa đ c các g c r c a kh đau nh tham lam, sân h n, si mê, đ m l i l i l c cho mình và ng i.

Cổ u nguy hiểm và tởng kinh

Viết bởi Administrator

Nhiều bài kinh quan trọng về giáo lý căn bản của Đức Phật được chuyển ra từ các bộ kinh. Tên những bộ kinh nguyên thủy bằng chữ Pali được chuyển ra là: Trường Bộ Kinh (Digha Nikaya), Trung Bộ Kinh (Majjima Nikaya), Tỳ-lưu-gi Bộ Kinh (Samyutta Nikaya), Tăng Chi Bộ Kinh, (Anguttara Nikaya) và Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikaya). Các Kinh nguyên thủy bằng chữ Sanskrit gồm có các bộ A Hàm (Agamas) như Trường Bộ A Hàm, Trung Bộ A Hàm, Tăng Nhứt A Hàm, và Tạp A Hàm (tổng hợp những các bộ Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tỳ-lưu-gi Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, và Tiểu Bộ Kinh thu thập văn học Pali). Ngoài ra còn có các kinh thuộc Phật giáo Bắc Truyền như: Kinh Di-lưu Pháp Liên Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Kim Cang, Kinh Đệ bát Nhã, Kinh Đệ bát Ni bát Bàn, Kinh Đệ bát Bồ Tát Tích, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác, Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, Kinh Duy Ma Cật, Kinh A Di Đà, và còn rất nhiều nữa.

Những kinh mà người Phật tử tụng trong truyền thống Phật giáo Nam Truyền được **chú** là **Kinh Châu Báu**

và

Kinh Phật Lực

. Chú siêu là

Kinh Vô Ngã Tướng

và

Kinh Huệ Huệ Tông Vong Linh

. Đệ bát Ni bát Bàn Phật giáo Bắc truyền kinh Chú an là

Kinh Phật Môn

và chú siêu là

Kinh A Di Đà

và

Kinh Đệ bát Tướng

.

“Chú An” có nghĩa là cứu nguy hiểm cho chính chúng ta hay cho người khác tránh khỏi các hình thái của ma quỷ, bất hạnh, đau khổ, và những hiểm nguy của nhân gian thay đổi môi trường sống trong những hành tinh cũng như đất trời tin tưởng nơi tâm bằng chính tâm từ bi, chánh tín, chánh kiến và năng lực giải quyết những khổ đau của chúng ta. Còn “Chú Siêu” là nguy hiểm của những người thân quá cố hoặc quên hay không quên của chúng ta, những vì tâm từ, vì họ mà làm những việc thiện để họ hạnh phúc cho họ được nương vào phước lành đó mà vượt thoát khỏi ba cõi nguy hiểm.

Việc tránh ác, làm thiện và giải quyết cá nhân và của xã hội, hợp với sự cảm nhận gia đình của thanh tịnh để họ và chúng Bồ Tát, của chúng Phật và các vị thần thánh có thể đem lòng từ bi, quở, đất được mục đích của an lạc ý nghĩa mong muốn. Sự gia tăng mà trong kinh sách những nói đến như là một tha lực, là đi vào rất khó giải thích, chỉ có thể cảm nhận được những kinh nghiệm bản thân.

Chú Thích: [33] HT. Thích Minh Châu, Kinh T ng ng B T p IV Thiên 6 x Ch.8 Đ n 6:
[http://www.thuvienhoasen.org/tu4-42.htm ";](http://www.thuvienhoasen.org/tu4-42.htm) [34] HT. Narada Maha
Thera, Ph m Kim Khánh d ch Vi t, 1998, Đ c Ph t và Ph t Pháp
[http://www.thuvienhoasen.org/ducphatvaphatphap-12.htm ";](http://www.thuvienhoasen.org/ducphatvaphatphap-12.htm)

[35] HT. Thích Minh Châu, Kinh Trung B , Angulimala Sutta, kinh th 86.
[http://www.thuvienhoasen.org/u-trung86.htm ";](http://www.thuvienhoasen.org/u-trung86.htm)

[36] Suzuki - TT. Thích Tu S , Thi n và Bát Nhã, Vi n CDPH H i Đ c, 2004.

[37] Quách T n, X Tr m h ng. H i Văn h c ng thu t Khánh Hòa tái b n 2003.

[38] HT. Thích Minh Châu, Kinh T u B T p I Kinh T p, (I) Kinh Châu Báu (Ratana Sutta) (Sn 39)
<http://thuvienhoasen.org/kinhtieubo1-05-kinhtap-02.htm>
và C sĩ Nguyễn Giác, B n d ch Vi t:
<http://www.thuvienhoasen.org/cacphaphoquocandan.htm>